

Bản án số: 162/2024/DS-ST
Ngày 19 – 6 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024 (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Anh Huỳnh Tấn L1, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Đoàn Kim T. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị N và lời trình bày tại phiên tòa của anh Lê Hoàng L, thể hiện:

Anh Huỳnh Tấn L1, chị Đoàn Kim T nhiều lần mượn của chị Đoàn Thị N các khoản tiền như sau: Ngày 13/8/2022 mượn 550.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, ngày 25/8/2022 mượn 600.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày và ngày

16/9/2022 mượn 250.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày sẽ trả lại, các lần mượn tiền chị T đều biết; anh L1, chị T không trả lại đúng theo thỏa thuận và đến tháng 11/2022 sau khi anh L1, chị T trả được 300.000.000 đồng thì không trả số tiền còn lại.

Do đó, chị N yêu cầu anh L1, chị T trả số tiền vốn 1.100.000.000 đồng và trả lãi suất như sau:

- Số tiền lãi của 550.000.000 đồng: $550.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 19 \text{ tháng} = 167.200.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi của 600.000.000 đồng: $600.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 20 \text{ tháng} = 192.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi của 250.000.000 đồng: $250.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 18 \text{ tháng} = 72.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng các khoản chị N yêu cầu anh L1, chị T trả lại là 1.531.200.000 đồng (trong đó vốn 1.100.000.000 đồng; lãi 431.200.000 đồng)

Tại phiên tòa, anh L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh L yêu cầu anh L1, chị T phải trả lãi của số tiền còn lại 1.100.000.000 đồng theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày anh L1, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay là 190.000.000 đồng.

* *Đối với anh Huỳnh Tấn L1, chị Đoàn Kim T*: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Tấn L1, chị Đoàn Kim T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Lời trình bày tại phiên tòa của anh Lê Hoàng L phù hợp với các biên nhận ngày 13/8/2022, 25/8/2022 và 16/9/2022 thể hiện anh Huỳnh Tấn L1 mượn của chị N tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện, chị N xác định anh L1, chị T đã trả được 300.000.000 đồng và thiếu lại 1.100.000.000 đồng. Anh L1, chị T đã được tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối về nội dung chị N khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh L1 và chị T cùng có trách nhiệm trả lại số nợ thấy rằng: Mặc dù các khoản nợ do anh L1 ghi biên nhận nhưng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L1, chị T trong khi đó, chị T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N do đó việc chị N khởi kiện yêu cầu anh

L1, chị T cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, anh L thay đổi một phần yêu cầu trả lãi suất mà chị N đã yêu cầu. Anh L1 yêu cầu trả số tiền lãi từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay với số tiền là 190.000.000 đồng.

Xét thấy, việc anh L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Các biên nhận không thể hiện việc các bên có thỏa thuận trả lãi suất khi hết thời hạn anh L1, chị T không trả lại số tiền cho chị N theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, anh L1, chị T phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho chị N kể từ khi hết thời hạn cho đến ngày xét xử (ngày 19/6/2024) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, anh L yêu cầu anh L1, chị T trả cho chị N tổng số tiền lãi là 190.000.000 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[6] Từ sự phân tích như trên thì cần buộc anh L1, chị T có nghĩa vụ trả cho chị N tổng số tiền 1.290.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L1, chị T phải chịu là: 36.000.000 đồng + 490.000.000 đồng x 3% = 50.700.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N.

Buộc anh Huỳnh Tấn L1, chị Đoàn Kim T trả lại cho chị N tổng số tiền là 1.290.000.000 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng). Trong đó, tiền vốn:

1.100.000.000 đồng, tiền lãi 190.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh L1, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Tấn L1, chị Đoàn Kim T phải chịu 50.700.000 đồng (năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Chị Đoàn Thị N không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị N số tiền đã nộp tạm ứng 28.968.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001092 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn